

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2026/DS-ST
Ngày: 14-7-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thuý

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Quốc Lệ
- Ông Trần Văn Tươi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê C Tr, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp G, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Bà Đặng Như NG, sinh năm 2002; Địa chỉ: Số 3 đường Lê Văn V, ấp B 3, xã B, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 27/3/2026).

Bị đơn:

- Ông Phan M H, sinh năm 1977;
 - Bà Nguyễn Thị C H, sinh năm 1977;
- Cùng địa chỉ: Ấp G, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ng H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp 4 Ph, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Bà Đặng Như NG, sinh năm 2002;
Địa chỉ: Số 3 đường Lê Văn V, ấp B 3, xã B, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 27/3/2026).

(Các đương sự đều vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/3/2026 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Như NG đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê C Tr trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên khoảng giữa năm 2023, ông Lê C Tr có cho vợ chồng ông Phan M H và bà Nguyễn Thị C H vay 05 chỉ vàng loại vàng 24 Karat (vàng 9999) để làm ăn, thời hạn cho vay là 01 tháng. Tại thời điểm vay không lập văn bản, sau khi hết thời hạn thì ông Tr có yêu cầu trả thì ông H, bà H có hứa sau khi bán nhà xong sẽ trả. Đến tháng 10/2025, ông Tr biết ông H, bà H đã bán nhà nhưng không trả nên ông Tr đã yêu cầu vợ chồng ông H viết giấy nợ có tiêu đề “Giấy mượn vàng”, theo đó có hẹn đến ngày 17/02/2026 (nhằm ngày mùng 01 tháng 01 năm 2026 Âm lịch) sẽ trả toàn bộ, tuy nhiên đến nay vợ chồng ông H vẫn không trả mặc dù ông Tr đã nhiều lần yêu cầu.

Do đó, ông Tr khởi kiện yêu cầu ông Phan M H và bà Nguyễn Thị C H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tr 05 chỉ vàng 24 Karat (vàng 9999), không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan M H trình bày: Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/5/2026, ông H thừa nhận có vay của ông Lê C Tr 05 chỉ vàng như ông Tr trình bày, ông đồng ý liên đới với vợ ông là bà Nguyễn Thị C H trả cho ông Tr số vàng còn nợ và xin được trả dần do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn. Ngoài ra, do bận công việc nên yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C H: Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà H có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Sau khi thụ lý vụ án: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn xin vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4-Tây Ninh tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Nguyên đơn cung cấp bản chính “Giấy mượn vàng” có chữ ký và chữ viết của ông H và bà H, ông H cũng thừa nhận nên đây là sự thật không cần pH chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện

nghĩa vụ của người cho vay, tuy nhiên bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 05 chỉ vàng 24 Karat (vàng 9999) và không yêu cầu lãi suất là có căn cứ nên có cơ sở chấp nhận. Về yêu cầu liên đới, bà H và ông H là vợ chồng hợp pháp, hiện tại cả hai vẫn còn chung sống với nhau, giấy mượn vàng có chữ ký của ông H và bà H, do đó có cơ sở cho rằng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp nên buộc ông H và bà H liên đới trả số vàng còn nợ cho ông Tr. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê C Tr.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Tr khởi kiện bị đơn ông H và bà H liên quan đến hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ tại xã Mỹ Yên, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về phạm vi khởi kiện: Bị đơn không có yêu cầu phản tố, Hội đồng xét xử chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho bị đơn ông Phan M H và bà Nguyễn Thị C H tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như toàn bộ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn xin vắng mặt, Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào của bị đơn cung cấp trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả 05 chỉ vàng 24 Karat (vàng 9999), thấy rằng: Qua xem xét “*Giấy mượn vàng*” không đề ngày do ông Tr cung cấp, có thể hiện nội dung “...*Tôi tên Phan M H (sinh ngày 25/02/1977) ở ấp 1 xã Mỹ Yên tỉnh Tây Ninh...và tên vợ Nguyễn Thị C H 1977...có mượn của ông Lê C Tr 1963...số vàng 05 chỉ 9999 hiệu Kim Tử...Từ giờ đến tết trả dứt điểm 5 chỉ vàng 9999. Có bao nhiêu trả bấy nhiêu số vàng cho mượn không có tính lãi...Đến tết 2026 là dứt điểm (âm lịch) nhằm ngày (1.1.2026 al)...*”, cuối văn bản có chữ viết và chữ ký ghi Phan M H và Nguyễn Thị C H. Quá trình giải quyết vụ án, ông H thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn vàng trên là

của ông H và bà H. Đây là những tình tiết, sự kiện không pH chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bà H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, đã biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chỉ có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt mà không có ý kiến phản đối. Do đó, xác định giữa ông Lê C Tr và vợ chồng ông Phan M H và bà Nguyễn Thị C H có xác lập quan hệ vay tài sản với số vàng là 05 chỉ vàng 24 Karat (vàng 9999). Xét khoản vay trên hai bên không làm văn bản tại thời điểm vay nhưng sau đó có lập văn bản thống nhất nợ, thỏa thuận trả dần đến hết ngày 17/02/2026 (nhằm ngày 01/01/2026 âm lịch), vay không có lãi. Do đó, xác định giao dịch trên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại các Điều 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thỏa thuận và ký kết giao dịch là tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, xác định hợp đồng là hợp pháp và làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết. Thực hiện hợp đồng, ông Tr đã giao đủ số vàng cho bị đơn nhận, bị đơn đã cam kết đến ngày 17/02/2026 sẽ hoàn trả đầy đủ. Tuy nhiên, khi đến hạn bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ cam kết và vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, việc vi phạm của bị đơn đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông H, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn 05 chỉ vàng 24 Karat (vàng 9999).

[2.3] Về lãi: Ông Tr không yêu cầu ông H, bà H thanh toán tiền lãi trên số vàng đã vay nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định, áp dụng giá vàng 24 Karat (vàng 9999) tại thời điểm xét xử là 14.710.000đồng/01chỉ nên giá trị tranh chấp là 05 x 14.710.000đồng = 73.550.000đồng.

[2.5] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Tây Ninh tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, 188, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê C Tr đối với đồng bị đơn ông Phan M H và bà Nguyễn Thị C H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản: Buộc ông Phan M H và bà Nguyễn Thị C H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê C Tr tài sản là 05 (năm) chỉ vàng 24 Karat (vàng 9999).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng cộng là 3.677.500 đồng (ba triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) do ông Phan M H và bà Nguyễn Thị C H pH chịu toàn bộ.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND.KV 4 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thuý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Bùi Quốc Lệ - Trần Văn Tươi

Thái Thị Thanh Thuý

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND Khu vực 4 –

Tây Ninh;

-Thi hành án dân sự tỉnh

Tây Ninh;

-Các đương sự;

-Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thuý

